

Số: 18/BC-ĐBCL-TT&PC

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2023

**KẾT QUẢ KHẢO SÁT CỦA SINH VIÊN KHÓA 16 ĐHLT (VLVH)  
TRƯỚC KHI TỐT NGHIỆP NĂM HỌC 2022 - 2023**

**Kính gửi: - Ban Giám hiệu  
- Trưởng các Phòng, Khoa, Trung tâm**

Căn cứ Quyết định số 806/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 07 tháng 12 năm 2018 về việc ban hành quy định về công tác Đảm bảo chất lượng đào tạo của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội;

Quyết định số 413/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc ban hành Quy định công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan;

Thực hiện Kế hoạch số 480/KH-ĐHSPTDTTHN ngày 19 tháng 09 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội về việc tổ chức lấy ý kiến khảo sát các bên liên quan năm học 2022-2023;

Thực hiện Kế hoạch số 10/KH-ĐBCL&TT ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc lấy ý kiến khảo sát của sinh viên trước khi tốt nghiệp đánh giá khóa học K16 ĐHLT (VLVH) niên khóa 2021 -2023 và K52 ĐHCQ niên khóa 2019 - 2023;

Phòng ĐBCL-TT&PC đã triển khai lấy ý kiến phản hồi đánh giá khóa học của sinh viên trước khi tốt nghiệp năm học 2022 - 2023 qua tổng hợp kết quả như sau:

## **I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

### **1. Mục đích khảo sát**

- Việc lấy ý kiến khảo sát đánh giá khóa học của sinh viên trước khi tốt nghiệp giúp cho nhà trường thực hiện tốt sứ mạng và mục tiêu của nhà Trường.

- Giúp lãnh đạo nhà trường và các Khoa/Trung tâm có những thông tin chính xác cần thiết về các chương trình đào tạo, để có những quyết định đúng khi phải giải quyết những vấn đề liên quan đến những vấn đề đào tạo.

- Đảm bảo lợi ích, tạo điều kiện cho người học được phản ánh tâm tư, nguyện vọng được thể hiện ý kiến của mình về chất lượng chương trình đào tạo của nhà trường, chất lượng giảng dạy của giảng viên, về cơ sở vật chất và thái độ phục vụ của phòng ban.

### **2. Đối tượng, phạm vi khảo sát:**

- Đối tượng khảo sát: K16 ĐHLT (VLVH) từ trình độ CĐ lên trình độ ĐH.



- Phạm vi lấy ý kiến khảo sát: Tất cả sinh viên chuẩn bị nhận bằng tốt nghiệp.

### 3. Tổ chức thực hiện

- **Thời gian thực hiện:** Từ tháng 06/2023

- **Công cụ khảo sát:** Theo mẫu phiếu khảo sát (**Phụ lục 1**)

- **Nội dung khảo sát:** Bộ câu hỏi khảo sát được đánh giá với các nội dung chính là:

a) Chương trình đào tạo (gồm 7 tiêu chí);

b) Đội ngũ giảng viên (gồm 4 tiêu chí);

c) Tổ chức quản lý phục vụ đào tạo (gồm 10 tiêu chí);

d) Kiểm tra đánh giá (gồm 4 tiêu chí);

e) Cơ sở vật chất (gồm 5 tiêu chí);

f) Công tác tài chính (gồm 2 tiêu chí);

g) Đội ngũ CBQL, NV và KTV của trường (gồm 6 tiêu chí);

h) Đánh giá chung về khóa học (gồm 3 tiêu chí)

i) Các ý kiến khác

### 4. Phương pháp thực hiện và xử lý kết quả

- Khảo sát bằng phần mềm Google docs qua đường link:

[https://docs.google.com/forms/d/e/1FAIpQLScILX9IdyZ4TZ\\_NIO8NonNt\\_6\\_n\\_8w5w4Ba\\_XvWi5c1FE8s9w/viewform?usp=sf\\_link](https://docs.google.com/forms/d/e/1FAIpQLScILX9IdyZ4TZ_NIO8NonNt_6_n_8w5w4Ba_XvWi5c1FE8s9w/viewform?usp=sf_link)

- Kết quả đánh giá của người học thể hiện ở 5 mức độ: **5-Rất tốt, 4-Tốt, 3- Khá, 2-Yếu, 1- Kém**. Điểm Trung bình chung được chia thành 5 cấp độ cho từng tiêu chí theo các khoảng điểm như sau:

Khoảng điểm	Từ 4,21 đến ≤ 5	Từ 3,41 đến ≤ 4,20	Từ 2,61 đến ≤ 3,40	Từ 1,81 đến ≤ 2,60	Từ 1,0 đến ≤ 1,80
Phân loại	<b>Rất tốt</b>	<b>Tốt</b>	<b>Khá</b>	<b>Yếu</b>	<b>Kém</b>

- Tỷ lệ đánh giá hài lòng là tổng số ý kiến “ Rất tốt”, “Tốt”/tổng số ý kiến; Tỷ lệ đánh giá bình thường là tổng số ý kiến “ Khá” và “ Yếu”/tổng số ý kiến; Tỷ lệ đánh giá không hài lòng là tổng số ý kiến “ Kém” /tổng số ý kiến;

- Viết báo cáo sau khi có kết quả tổng hợp;

## II. KẾT QUẢ

### 1. Kết quả tổng hợp phiếu

Thông qua kế hoạch nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi đánh giá khóa học của sinh viên trước khi tốt nghiệp K16 ĐHLT (VLVH) từ CĐ nên ĐH năm học 2022-2023 kết quả thu được như sau:



**Bảng 1. KẾT QUẢ KHẢO SÁT LẤY Ý KIẾN PHẢN HỒI CỦA SINH VIÊN TRƯỚC KHI TỐT NGHIỆP NĂM HỌC 2022 - 2023**

STT	Khóa	Lớp chuyên sâu	Tổng số sinh viên năm cuối	Tổng số sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp	Tổng số sinh viên trước khi tốt nghiệp tham gia khảo sát	Tỷ lệ %
1	K16 ĐHLT	Điện kinh	39	38	38	100
2		Bóng đá	42	42	42	100
3		Bóng chuyền	31	30	26	86,66
<b>Tổng cộng</b>			<b>112</b>	<b>110</b>	<b>106</b>	<b>96,36</b>

Qua kết quả thống kê ở Bảng 1 cho thấy. Tổng số sinh viên K16 ĐHLT (hệ VLVH) trước khi tốt nghiệp năm học 2022 - 2023 theo danh sách là: 112 sinh viên.

Tổng số sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp năm học 2022-2023 là: 110 sinh viên.

Tổng số sinh viên trước khi tốt nghiệp tham gia khảo sát: 106 sinh viên

Tỷ lệ sinh viên trước khi tốt nghiệp tham gia đánh giá trên tổng số sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp là: 96,36%

## **2. Kết quả đánh giá**

### **2.1. Điểm đánh giá**

+ *Về chương trình đào tạo:* Có 7/7 tiêu chí khảo sát ở tất cả các câu hỏi của nội dung về chương trình đào tạo đều được sinh viên đánh giá ở mức điểm từ 4,4/5 điểm đến 4,5/5 điểm đáp ứng được mục tiêu đào tạo và phù hợp với nhu cầu xã hội. Nội dung chương trình đào tạo có sự kết hợp chặt chẽ giữa các kiến thức cơ bản, cơ sở chuyên ngành, đánh giá sự hài lòng của sinh viên về chương trình đào tạo của nhà trường đều tăng qua các năm ở nội dung khảo sát phù hợp của nội dung chương trình đào tạo với các chuẩn đầu ra.

+ *Về đội ngũ giảng viên:* Hầu hết các giảng viên được đánh giá ở mức điểm từ 4,5/5 - 4,6/5 điểm trở lên có trình độ chuyên môn tốt, có trách nhiệm gắn bó với nghề nhiều giảng viên có bề dày kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn. Việc thực hiện giờ lên lớp theo kế hoạch giảng dạy và khả năng sử dụng các thiết bị hỗ trợ dạy học của giảng viên, giảng viên có phương pháp đổi mới trong việc dạy và học giúp sinh viên tự học, tự nghiên cứu sáng tạo trong các bài giảng thêm phong phú, đa dạng, sôi động, linh hoạt kích thích người học.

+ *Về tổ chức quản lý và phục vụ đào tạo:* Kết quả khảo sát 10/10 tiêu chí được sinh viên đánh giá ở mức tốt từ 4,3/5 điểm đến 4,6/5 điểm. Các chế độ chăm sóc sức khỏe y tế học đường hàng năm được tổ chức khám định kỳ đảm bảo các em có đủ sức khỏe tham gia học tập, công tác triển khai đi thực tập gắn liền với thực tế tại các cơ quan đạt hiệu quả cao. Hàng

năm nhà trường đều tổ chức các buổi đối thoại trực tiếp giữa sinh viên với lãnh đạo nhà trường, để giải quyết những vướng mắc trong học tập và sinh hoạt để được giải đáp thỏa đáng giúp các em yên tâm học tập, công tác giải quyết các chế độ chính sách học bổng, tiền trợ cấp còn chậm chưa kịp thời nhà trường cần khắc phục nhanh chóng đúng quy định.

+ *Về kiểm tra đánh giá:* Về nội dung kiểm tra đánh giá được sinh viên đánh giá ở mức rất tốt từ 4,5/5 - 4,6/5 điểm. Để kiểm tra phản ánh đánh giá đúng năng lực người học dựa vào bằng chứng kết quả học tập của sinh viên qua các bài kiểm tra để có những hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp với từng nội dung môn học. Các kế hoạch thi kiểm tra rõ ràng, cụ thể, đúng quy định. Kết quả thi của sinh viên tránh nhầm lẫn, sai sót khi vào điểm để các em làm đơn phúc khảo ảnh hưởng đến uy tín chất lượng của các thầy cô.

+ *Về cơ sở vật chất:* Cơ sở vật và trang thiết bị phục vụ dạy và học của nhà trường đáp ứng tốt nhu cầu học tập, nghiên cứu khoa học của sinh viên trong nhiều năm qua nhà trường đã có nhiều cải tiến đầu tư cho phát triển cơ sở hạ tầng và trang thiết bị phục vụ dạy và học, trước hết là xây dựng các hạng mục công trình đảm bảo nhu cầu học tập và nghiên cứu, các phòng thực hành thí nghiệm có đầy đủ các phương tiện phục vụ dạy và học đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên phù hợp với yêu cầu định hướng của nhà trường. Để phục vụ nhu cầu ăn uống ở căng tin được tốt hơn phải đảm bảo đầy đủ các yêu cầu VSATTP đối với cơ sở, trang thiết bị dụng cụ, có nguồn gốc an toàn đầy đủ nhãn mác, Cơ sở vật chất ở KTX cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt cho sinh viên nội trú, nhưng bên cạnh đó các em cũng có ý kiến về nguồn nước chưa đảm bảo vệ sinh, hệ thống bóng điện, các phòng ở chưa sửa chữa kịp thời. Về cơ sở vật chất được tất cả sinh viên đánh giá từ 4,3/5 - 4,6/5 điểm trở lại đạt mức rất tốt.

+ *Về công tác tài chính:* Kết quả khảo sát cho thấy có 2/2 tiêu chí được sinh viên đánh giá có mức điểm từ 4,5/5 điểm. Công tác thu chi tài chính liên quan đến sinh viên của nhà trường được thực hiện công khai, rõ ràng, minh bạch, chính xác. Cán bộ nhân viên có thái độ hòa nhã, thân thiện, cư xử, đúng mực lắng nghe giải quyết các vấn đề còn vướng mắc, chưa hợp lý.

+ *Về đội ngũ CBQL, NV và KTV của trường:* Kết quả khảo sát 6/6 tiêu chí cho thấy tất cả các học phần Đội ngũ CBQL, NV và KTV của trường được sinh viên đánh giá ở mức rất tốt điểm đánh giá trung bình là 4,5/5 điểm. Môi trường sư phạm là nơi các e được tham gia học tập hội tụ đầy đủ những kiến thức kỹ năng sự thân thiện giữa thầy và trò, giữa trò với cán bộ nhân viên trong trường có thái độ độ nghiêm túc, vui vẻ, hòa nhã giải quyết mọi công việc, tình huống nhanh chóng, kịp thời các thầy cô luôn tạo điều kiện thuận lợi cho các em mỗi khi



đến phòng, khoa, trung tâm làm việc.

+ *Đánh giá chung về khóa học*: Kết quả khảo sát 3/3 tiêu chí của lĩnh vực được sinh viên đều đánh giá từ 4,5/5 - 4,6/5 điểm. Sau thời gian bốn năm học tại trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội thời gian tuy không phải là dài nhưng các em đã cảm nhận được sự tận tình, quan tâm giúp đỡ của các thầy cô. Nhà trường đã giúp các em tự tin, trưởng thành hơn thông qua các chương trình tình nguyện trong các hoạt động của nhà trường không chỉ những kỹ năng mềm, nhà trường rất chú trọng đến sự phát triển toàn diện cho sinh viên luôn tạo cơ hội cho sinh viên chúng em được trau dồi kiến thức và được giao lưu học hỏi tại các cuộc thi văn hóa lớn. Những kiến thức và kỹ năng đó chính là hành trang cho các em bước vào nghề.

## **2.2. Tỷ lệ đánh giá hài lòng**

Kết quả khảo sát tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên được lấy ý kiến phản hồi đánh giá khóa học của sinh viên trước khi tốt nghiệp đạt tỷ lệ từ 93,39% - 100 % của các lĩnh vực cụ thể như sau:

### **a) Chương trình đào tạo (gồm 7 tiêu chí);**

Ở lĩnh vực này được sinh viên đánh giá ở mức rất tốt trở nên dao động từ 98,11% - 91,06%; còn ở mức khá tỷ lệ đánh giá của sinh viên chỉ ở mức từ 0,94% - 1,89%; ở mức khá có các tiêu chí sau: *Mức độ phù hợp của nội dung chương trình đào tạo với các chuẩn đầu ra; Mục tiêu của chương trình đào tạo đáp ứng ở mức nào với năng lực sinh viên khi tốt nghiệp; Tỷ lệ phân bố hợp lý giữa lý thuyết và thực hành; Các môn học trong chương trình đào tạo tích hợp được các kiến thức và kỹ năng theo chuẩn đầu ra của ngành đã công bố; Mức độ gắn kết giữa các khối kiến thức và kiến thức thực tế trong nội dung chương trình đào tạo; Sinh viên hiểu rõ được chuẩn đầu ra của ngành đào tạo về kiến thức, kỹ năng và thái độ người học cần đạt được.*

### **b) Đội ngũ giảng viên (gồm 4 tiêu chí);**

Kết quả khảo sát ở lĩnh vực này tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên ở mức rất tốt trở lên dao động từ 98,11% - 100%; còn ở mức khá tỷ lệ đánh giá của sinh viên chỉ 0,94% có hai tiêu chí như sau: *Phương pháp giảng dạy của giảng viên dễ hiểu, phù hợp với sinh viên; Việc thực hiện giờ lên lớp, kế hoạch giảng dạy và khả năng sử dụng các thiết bị hỗ trợ dạy học của giảng viên.*

### **c) Tổ chức quản lý phục vụ đào tạo (gồm 10 tiêu chí);**

Ở lĩnh vực này tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên ở mức rất tốt trở lên dao động từ 93,39% - 100%; còn ở mức yếu tỷ lệ đánh giá của sinh viên từ 0,94% - 1,89%; Ở mức yếu có

hai tiêu chí sinh viên đánh giá sau: *Các chế độ chăm sóc sức khỏe y tế học đường và cải thiện sức khỏe của nhà trường đối với sinh viên; Các chế độ chính sách xã hội, học bổng khuyến khích học tập của nhà trường được triển khai tới sinh viên theo đúng quy định;*

*d) Kiểm tra đánh giá (gồm 4 tiêu chí);*

Ở lĩnh vực này tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên ở mức rất tốt trở lên dao động từ 99,05% - 100%; còn ở mức khá tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên có hai tiêu chí đồng đánh giá là 0,94% là: *Mức độ đa dạng hóa các hình thức thi, kiểm tra đánh giá phù hợp với nội dung môn học; Tổ chức thi kiểm tra chấm bài tập, thực tập, tiểu luận đánh giá đảm bảo nghiêm túc khách quan chính xác và công bằng.*

*e) Cơ sở vật chất (gồm 5 tiêu chí);*

Qua khảo sát lĩnh vực này tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên ở mức rất tốt trở lên dao động từ 97,17% - 100%; còn ở mức khá tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên từ 1,89% - 3,77%. Còn ở mức yếu có ba tiêu chí đồng đánh giá là 0,94%: *Cơ sở vật chất nhà trường (giảng đường, bàn ghế, phương tiện nghe nhìn dùng cho việc học, sân vận động, chỗ gửi xe); Cơ sở vật chất kỹ túc xá đáp ứng tốt cho sinh viên nội trú; Cảnh tin trong trường phục vụ tốt nhu cầu ăn uống của sinh viên.*

*f) Công tác tài chính (gồm 2 tiêu chí);*

Ở lĩnh vực này tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên ở mức tốt trở lên dao động từ 99,05% - 98,11%; còn ở mức khá tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên có hai tiêu chí là 0,94%: *Công tác thu – chi tài chính liên quan đến sinh viên của nhà trường được thực hiện công khai, rõ ràng, chính xác và thuận lợi cho sinh viên; Cán bộ, nhân viên trong phòng Kế hoạch – tài chính có tinh thần và thái độ đúng mực, thân thiện trong giải quyết công việc phục vụ sinh viên.*

*g) Đội ngũ CBQL, NV và KTV của trường (gồm 6 tiêu chí);*

Nhìn vào kết quả khảo sát tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên đạt mức rất tốt trở lên dao động từ 99,05% - 100%; còn ở mức khá tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên từ 0,94% - 2,83%; Còn ở mức yếu có tiêu chí: *Mức độ hài lòng của sinh viên về đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên và kỹ thuật viên của trường* đánh giá ở mức 0,94 %;

*h) Đánh giá chung về khóa học (gồm 3 tiêu chí).*

Ở lĩnh vực này tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên ở mức rất tốt trở lên đều được sinh viên đồng đánh giá ở mức cao nhất là: 100%

Qua bảng tổng hợp kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi sinh viên trước khi tốt nghiệp đối với K16 ĐHLT hệ (VLVH) từ CĐ lên ĐH đã tham gia đầy đủ với 41 tiêu chí của 8 lĩnh



vực được lấy ý kiến đánh giá của sinh viên đều nhận được mức đánh giá rất tốt và tỷ lệ đánh giá hài lòng đối với các tiêu chí cụ thể như sau:

+ Ở mức “Rất tốt” trở lên tỷ lệ đánh giá hài lòng sinh viên trước tốt nghiệp dao động từ 93,39% - 100%.

+ Ở mức “Khá” tỷ lệ đánh giá hài lòng sinh viên trước tốt nghiệp dao động từ 1,89% - 4,72%.

+ Còn ở mức “Yếu” có 6/41 tiêu chí đánh giá tỷ lệ đánh giá 0,94 % - 1,89% bao gồm các tiêu chí sau: *Các chế độ chính sách xã hội, học bổng khuyến khích học tập của nhà trường được triển khai tới sinh viên theo đúng quy định; Các chế độ chăm sóc sức khỏe y tế học đường và cải thiện sức khỏe của nhà trường đối với sinh viên; Cơ sở vật chất nhà trường (giảng đường, bàn ghế, phương tiện nghe nhìn dùng cho việc học, sân vận động, chỗ gửi xe); Cơ sở vật chất ký túc xá đáp ứng tốt cho sinh viên nội trú; Cảnh tin trong trường phục vụ tốt nhu cầu ăn uống của sinh viên; Mức độ hài lòng của sinh viên về đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên và kỹ thuật viên của trường.* Số liệu được trình bày ở (Phụ lục 3).

#### **4. Nhận xét chung**

- Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn các tiêu chí đưa ra được sinh viên đánh giá ở mức “rất tốt” và “Tốt”. Tuy nhiên cũng có nhiều ý kiến thể hiện sự không phù hợp của quá trình đào tạo mà các phòng, khoa, trung tâm và các đơn vị liên quan cần điều chỉnh thay đổi cho phù hợp.

Để nâng cao chất lượng môn học, khắc phục những hạn chế phát huy những điểm tích cực mà sinh viên đã có ý kiến, Phòng đảm bảo chất lượng và thanh tra - Pháp chế đề nghị các đơn vị một số nội dung sau:

+ Ban cố vấn học tập cần dành nhiều thời gian quan tâm hơn tới nhu cầu của sinh viên.

+ Cần nâng cấp sửa chữa thiết bị tại các phòng học, các khu nhà vệ sinh giảng đường, nâng cấp mạng internet trong trường học.

+ Các đơn vị cần phối hợp chặt chẽ, nghiêm túc theo đúng kế hoạch triển khai của nhà trường

+ Các khoa, trung tâm cần lắng nghe ý kiến phản hồi của sinh viên để điều chỉnh cho phù hợp

+ Tài liệu phục vụ học tập của Thư viện cần bổ sung thêm giáo trình tài liệu phong phú, đa dạng để phục vụ sinh viên và học viên đang học tập tại trường.

+ Các khoa, trung tâm nên có những lớp/buổi định hướng chuyên ngành, nghề nghiệp sớm hơn cho sinh viên với nhiều chia sẻ thực tế, đồng thời phối hợp với phòng QLĐT-

KH&HTQT tổ chức các khóa tập huấn/ hội thảo liên kết quốc tế chương trình trao đổi sinh viên với các đối tác nước ngoài... để sinh viên có cơ hội giao lưu học hỏi và nâng cao trình độ ngoại ngữ.

+ Ngoài chương trình đào tạo chung các khoa/trung tâm nên dạy thêm những kỹ năng mềm cho sinh viên như kỹ năng trình bày, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng khai thác và xử lý thông tin, kỹ năng tự học tự nghiên cứu... vì sau khi ra trường bên cạnh kiến thức chuyên môn thì kỹ năng mềm cũng là yếu tố quan trọng để các em tìm được công việc tốt.

Các đơn vị trong Trường căn cứ kết quả khảo sát để có kế hoạch rà soát cải tiến, nâng cao chất lượng trong hoạt động đào tạo, công tác của đơn vị.

**\* Nơi nhận:**

- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Các đơn vị (để biết và t/h);
- Đăng website của Trường;
- Lưu: ĐBCL&TT.

TL. HIỆU TRƯỞNG   
TRƯỞNG PHÒNG ĐBCL-TT&PC  
  
Ths. Lê Học Liêm



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM  
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỂM ĐÁNH GIÁ SINH VIÊN TRƯỚC TỐT NGHIỆP RA TRƯỜNG NĂM HỌC 2022 - 2023**

(kèm theo báo cáo số: 18/BC-ĐBCL&TT ngày 1 tháng 6 năm 2022)

Lớp	Chương trình đào tạo							Đội ngũ giảng viên				Tổ chức quản lý và phục vụ đào tạo										Kiểm tra đánh giá				Cơ sở vật chất					CT Tài chính		Đội ngũ CBQL, NV và KTV của trường						Đánh giá chung				
	1	2	3	4	5	6	7	1	2	3	4	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	1	2	3	4	1	2	3	4	5	1	2	1	2	3	4	5	6	1	2	3		
Điền kinh	4,4	4,5	4,4	4,5	4,5	4,5	4,6	4,6	4,7	4,7	4,5	4,6	4,7	4,6	4,6	4,5	4,5	4,6	4,5	4,7	4,3	4,6	4,6	4,7	4,7	4,6	4,5	4,5	4,6	4,5	4,6	4,6	4,5	4,6	4,6	4,6	4,6	4,6	4,6	4,7	4,6	4,6	4,7
Bóng đá	4,4	4,5	4,5	4,6	4,5	4,4	4,6	4,7	4,6	4,7	4,6	4,6	4,6	4,6	4,5	4,3	4,4	4,6	4,4	4,6	4,5	4,6	4,7	4,7	4,7	4,6	4,5	4,3	4,6	4,4	4,6	4,6	4,6	4,6	4,6	4,7	4,7	4,7	4,6	4,6	4,6	4,7	
Bóng chuyền	4,4	4,4	4,4	4,6	4,4	4,4	4,4	4,6	4,4	4,6	4,5	4,5	4,6	4,5	4,5	4,2	4,3	4,4	4,2	4,3	4,3	4,3	4,4	4,6	4,5	4,5	4,4	4,3	4,6	4,3	4,5	4,4	4,4	4,4	4,4	4,4	4,4	4,3	4,3	4,5	4,5	4,5	
<b>Điểm CBT</b>	4,4	4,4	4,4	4,5	4,4	4,4	4,5	4,6	4,5	4,6	4,5	4,5	4,6	4,5	4,5	4,3	4,4	4,5	4,3	4,5	4,3	4,5	4,5	4,6	4,6	4,5	4,4	4,3	4,6	4,4	4,5	4,5	4,5	4,5	4,5	4,5	4,5	4,5	4,5	4,5	4,6	4,5	4,6

**BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM HÀI LÒNG CỦA SINH VIÊN TRƯỚC TỐT NGHIỆP RA TRƯỜNG  
NĂM HỌC 2022 - 2023**

STT	PHẦN NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ CỦA SINH VIÊN	Tỷ lệ %					TLĐGĐT
		Rất tốt	Tốt	Khá	Yếu	Kém	
<b>I. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</b>							
1	Mức độ phù hợp của nội dung chương trình đào tạo với các chuẩn đầu ra	50,00	49,06	0,94	0	0	99.06
2	Mục tiêu của chương trình đào tạo đáp ứng ở mức nào với năng lực sinh viên khi tốt nghiệp	53,77	45,28	0,94	0	0	99.05
3	Tỷ lệ phân bổ hợp lý giữa lý thuyết và thực hành	54,72	43,40	1,89	0	0	98.12
4	Chương trình đào tạo được thiết kế, tạo điều kiện thuận lợi cho SV lựa chọn theo nhu cầu, nguyện vọng học tập	61,32	36,79	1,89	0	0	98.11
5	Các môn học trong chương trình đào tạo tích hợp được các kiến thức và kỹ năng theo chuẩn đầu ra của ngành đã công bố	56,60	41,51	1,89	0	0	98.11
6	Mức độ gắn kết giữa các khối kiến thức và kiến thức thực tế trong nội dung chương trình đào tạo	51,89	46,23	1,89	0	0	98.12
7	Sinh viên hiểu rõ được chuẩn đầu ra của ngành đào tạo về kiến thức, kỹ năng và thái độ người học cần đạt được	61,32	36,79	1,89	0	0	98.11
	<b>TLĐG LV</b>						<b>98.38</b>
<b>II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN</b>							
1	Trình độ chuyên môn của giảng viên đáp ứng yêu cầu đào tạo	68,87	30,19	0,00	0	0	99.06
2	Phương pháp giảng dạy của giảng viên dễ hiểu, phù hợp với sinh viên	66,98	31,13	0,94	0	0	98.11
3	Giảng viên có hướng dẫn sinh viên tự học, sẵn sàng trao đổi về nội dung môn học với sinh viên	73,58	26,42	0,00	0	0	100
4	Việc thực hiện giờ lên lớp, kế hoạch giảng dạy và khả năng sử dụng các thiết bị hỗ trợ dạy học của giảng viên	62,26	36,79	0,94	0	0	99.05
	<b>TLĐG LV</b>						<b>99.05</b>
<b>III. TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ PHỤC VỤ ĐÀO TẠO</b>							
1	Nhà trường cung cấp đầy đủ thông tin về quy chế đào tạo, chương trình đào tạo, quy chế học sinh sinh viên và phương pháp kiểm tra đánh giá từ đầu khóa tới sinh viên.	66,98	31,13	1,89	0	0	98.11
2	Việc triển khai cho sinh viên đi thực tập gắn liền với thực tiễn tại các cơ quan hợp lý khoa học đạt hiệu quả	69,81	30,19	0,00	0	0	100



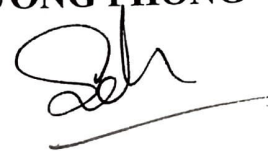
3	Cán bộ, nhân viên các phòng/khoa/trung tâm có thái độ phục vụ sinh viên tận tình, thân thiện.	65,09	33,02	0,94	0	0	98.11
4	Các phòng chức năng giải quyết các thắc mắc kiến nghị của sinh viên, nhanh chóng, thuận lợi, thỏa mãn các yêu cầu	64,15	32,08	3,77	0	0	96.23
5	Các chế độ chính sách xã hội, học bổng khuyến khích học tập của nhà trường được triển khai tới SV theo đúng quy định.	50,94	42,45	4,72	1,89	0	93.39
6	Các chế độ chăm sóc sức khỏe, y tế học đường và cải thiện sức khỏe của nhà trường đối với sinh viên.	51,89	46,23	0,94	0,94	0	98.12
7	Các hoạt động tư vấn, hỗ trợ sinh viên được thực hiện đầy đủ và có hiệu quả	60,38	38,68	0,94	0	0	99.06
8	Hoạt động của các tổ chức Đảng/Đoàn/Hội có hiệu quả, tác dụng tốt trong học tập và rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống của sinh viên	50,94	45,28	3,77	0	0	96.22
9	Các thông tin về hoạt động đào tạo đa dạng, phong phú và cập nhật thường xuyên trên website nhà trường.	64,15	34,91	0,94	0	0	99.06
10	Hàng năm, nhà trường tổ chức có hiệu quả các buổi đối thoại trực tiếp giữa sinh viên với lãnh đạo nhà trường/ các tổ chức Đoàn/Hội sinh viên.	46,23	50,94	2,83	0	0	97.17
	<b>TLĐG LV</b>						<b>97.54</b>
	<b>IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ</b>						
1	Mức độ đa dạng hóa các hình thức thi, kiểm tra đánh giá phù hợp với nội dung môn học	60,38	38,68	0,94	0	0	99.06
2	Tổ chức thi, kiểm tra, chấm bài tập, thực tập, tiểu luận đánh giá đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác và công bằng	67,92	31,13	0,94	0	0	99.05
3	Các kế hoạch thi, kiểm tra được thông báo rõ ràng, kịp thời cho sinh viên	73,58	25,47	0,00	0	0	99.05
4	Kết quả học tập của SV được thông báo kịp thời tới SV	72,64	27,36	0	0	0	100
	<b>TLĐG LV</b>						<b>99.29</b>
	<b>V. CƠ SỞ VẬT CHẤT</b>						
1	Cơ sở vật chất nhà trường (giảng đường, bàn ghế, phương tiện nghe nhìn dùng cho việc học, sân vận động, chỗ gửi xe)	64,15	33,02	1,89	0,94	0	97.17
2	Trang thiết bị phòng thực hành thí nghiệm có đảm bảo chất lượng phục vụ công tác học tập và nghiên cứu khoa học	56,60	41,51	1,89	0	0	98.11
3	Cơ sở vật chất ký túc xá đáp ứng tốt cho sinh viên nội trú	48,11	47,17	3,77	0,94	0	95.28
4	Cảnh quan vệ sinh môi trường sạch đẹp	67,92	32,08	0	0	0	100
5	Căng tin trong trường phục vụ tốt nhu cầu ăn uống của sinh viên	50,00	47,17	1,89	0,94	0	97.17
	<b>TLĐG LV</b>						<b>97.54</b>
	<b>VI. CÔNG TÁC TÀI CHÍNH</b>						

1	Công tác thu - chi tài chính liên quan đến sinh viên của nhà trường được thực hiện công khai, rõ ràng, chính xác và thuận lợi cho sinh viên	59,43	39,62	0,94	0	0	99.05
2	Cán bộ, nhân viên trong phòng Kế hoạch – Tài chính có tinh thần và thái độ đúng mực, thân thiện trong giải quyết công việc phục vụ sinh viên.	62,26	35,85	0,94	0	0	98.11
<b>TLĐG LV</b>							<b>98.58</b>
<b>VII. ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, NHÂN VIÊN VÀ KỸ THUẬT VIÊN CỦA TRƯỜNG</b>							
1	Thái độ nghiêm túc, nhiệt tình và có trách nhiệm khi được yêu cầu giải quyết công việc thuộc phạm vi đảm nhận	60,38	38,68	0,94	0	0	99.06
2	Thái độ phục vụ khi được yêu cầu giải quyết công việc thuộc phạm vi trách nhiệm (vui vẻ, thân thiện, nhiệt tình)	59,43	39,62	0,94	0	0	99.05
3	Quy trình giải quyết công việc đảm bảo tính khoa học, rõ ràng và đúng quy định	63,21	36,79	0,00	0	0	100
4	Giải quyết công việc nhanh chóng, kịp thời đảm bảo tốt yêu cầu nghiệp vụ	67,92	31,13	0,94	0	0	99.05
5	Luôn tạo điều kiện thuận lợi khi đến làm việc tại Phòng	65,09	31,13	2,83	0	0	96.22
6	Mức độ hài lòng của Sinh viên về đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên và kỹ thuật viên của Trường	61,32	36,79	0,94	0,94	0	98.11
<b>TLĐG LV</b>							<b>98.58</b>
<b>VIII. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KHÓA HỌC</b>							
1	Sinh viên được cung cấp đủ những kiến thức và các kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	67,92	32,08	0,00	0	0	100
2	Mức độ tự tin về kiến thức, kỹ năng của sinh viên khi tốt nghiệp	65,09	34,91	0,00	0	0	100
3	Mức độ hài lòng về chất lượng đào tạo của nhà trường	72,64	27,36	0,00	0	0	100
<b>TLĐG LV</b>							<b>100</b>

\* Ghi chú:

- TLĐGĐT: là Tỷ lệ đánh giá đối tượng: Đánh giá từ mức tốt và rất tốt/số phiếu trả lời
- TLĐGLV: là Tỷ lệ đánh giá lĩnh vực/ Tỷ lệ đánh giá đối tượng

**TRƯỞNG PHÒNG**



**Lê Học Liêm**

**Người lập**



**Nguyễn Thị Hiền**